

Số: /KH-UBND

Lai Châu, ngày tháng 12 năm 2025

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Phần I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2025

Chuyển đổi số là một yêu cầu tất yếu, mang tầm chiến lược đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân của tỉnh Lai Châu. Bám sát các chủ trương, định hướng của Đảng, Chính phủ và của tỉnh, năm 2025 đã ghi nhận những nỗ lực vượt bậc và đạt được nhiều kết quả quan trọng trong việc xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số. Báo cáo nội dung một cách toàn diện kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2025, phân tích những thành tựu đạt được, chỉ ra các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân. Trên cơ sở đó, báo cáo đề ra phương hướng, mục tiêu chiến lược và các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cho Kế hoạch triển khai năm 2026, nhằm tiếp tục đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số một cách toàn diện, đồng bộ và hiệu quả hơn.

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NĂM 2025

Các sở, ngành, địa phương đã chủ động triển khai các nhiệm vụ, giải pháp và cơ bản hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra theo Kế hoạch chuyển đổi số của từng đơn vị và bám sát Kế hoạch số 4732/KH-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về chuyển đổi số năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

1. Hạ tầng số, hạ tầng kỹ thuật

- 100% sở, ban, ngành tỉnh (18/18 đơn vị) và 100% UBND cấp xã (38/38 đơn vị) được kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng, Nhà nước.
- 100% cơ quan nhà nước từ cấp xã trở lên có kết nối Internet cáp quang và mạng LAN nội bộ.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức được trang bị máy tính phục vụ công tác chuyên môn.
- Toàn tỉnh có 1.991 trạm BTS (381 trạm 2G; 542 trạm 3G; 1.013 trạm 4G; 55 trạm 5G).
- Tổng số thuê bao điện thoại đang hoạt động: 391.644 thuê bao; trong đó:
 - + Thuê bao di động: 387.716 thuê bao

- + Thuê bao cố định: 3.928 thuê bao
- Tổng thuê bao điện thoại thông minh (Smartphone): 317.575 thuê bao.
- Tổng thuê bao Internet: 58.160 thuê bao.
- Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được triển khai tại 99 điểm cầu, đảm bảo phục vụ chỉ đạo, điều hành thông suốt.

2. Số hóa thủ tục hành chính

- Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ TTHC: 92,30%.
- Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết TTHC: 92,50%.
- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại dữ liệu số hóa: 93,38%, tương ứng 87.932 hồ sơ được tái sử dụng dữ liệu¹.
- 100% hồ sơ, kết quả TTHC trực tuyến toàn trình được xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và kết nối Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Cơ sở dữ liệu và dữ liệu số

- Đã đưa vào khai thác 27 cơ sở dữ liệu của các sở, ban, ngành và địa phương.
- Kết nối, khai thác dữ liệu với nhiều CSDL quốc gia và chuyên ngành: dân cư, bảo hiểm xã hội, thuế, đất đai, đăng ký kinh doanh, hộ tịch, giáo dục, y tế...
- Kết quả làm sạch, đồng bộ dữ liệu chuyên ngành:
- Dữ liệu bảo hiểm xã hội đạt 99,8%;
- Dữ liệu học sinh đạt 99,9%;
- 100% dữ liệu khai sinh đã được số hóa.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức được cập nhật, quản lý trên Hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức điện tử.

4. Vận hành hệ thống thông tin, nền tảng dùng chung

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành có trên 9.600 tài khoản, kết nối liên thông 100% cơ quan trong hệ thống chính trị toàn tỉnh.
- Trung bình mỗi năm xử lý, trao đổi khoảng 1.000.000 văn bản điện tử.
- Hệ thống thư điện tử công vụ có trên 12.000 hộp thư hoạt động ổn định.
- Toàn tỉnh có trên 12.000 chữ ký số cá nhân, tổ chức được cấp và sử dụng thường xuyên trong xử lý công việc.
- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) đã hoàn thiện, kết nối với NDXP; triển khai 14 kết nối đã hoàn thành và 18 kết nối đang thực hiện với các hệ

¹ Số liệu Cổng Dịch vụ công Quốc gia, ngày 24/12/2025.

thống thông tin, CSDL.

5. An toàn, an ninh thông tin

- Tổng số 56 hệ thống thông tin được rà soát, phân loại theo cấp độ an toàn thông tin, trong đó:

- 12 hệ thống cấp độ 3;
- 26 hệ thống cấp độ 2;
- 04 hệ thống cấp độ 1;
- 14 hệ thống đang hoàn thiện hồ sơ phê duyệt cấp độ.

- 100% máy trạm tại các cơ quan nhà nước được cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc.

- Các hệ thống thông tin trọng yếu được xây dựng phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

6. Bảo đảm tính liên tục hoạt động hệ thống

- 100% hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp được triển khai giải pháp sao lưu, dự phòng.

- Triển khai giải pháp sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp khi gặp sự cố, đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ đạt 100%.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2025

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số tại các sở, ngành, địa phương.

a) Kết quả đạt được:

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quyết liệt, đồng bộ và xuyên suốt được xác định là nền tảng cốt lõi, quyết định sự thành công của quá trình chuyển đổi số. Trong năm 2025, Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các Sở, ban, ngành đã thể hiện quyết tâm chính trị mạnh mẽ, tập trung nguồn lực và ban hành các cơ chế, chính sách kịp thời để dẫn dắt, định hướng và tổ chức thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Phần này đánh giá khung khổ quản trị và nỗ lực chỉ đạo của tỉnh trong năm vừa qua.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo được triển khai nghiêm túc và bài bản trên toàn tỉnh, tạo sự thống nhất và đồng bộ trong hành động:

Đối với việc thành lập Ban Chỉ đạo và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án số 06: UBND tỉnh cũng đã tham mưu thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tại Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 05/6/2025 của

UBND tỉnh, trong đó Chủ tịch UBND tỉnh là Trưởng ban chỉ đạo, thành lập 03 Tổ Công tác giúp việc cho Ban Chỉ đạo. Có 20 sở, ban, ngành tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo²; có 38 xã, phường đã thành lập Ban Chỉ đạo. Các BCD đã thể hiện vai trò nòng cốt, chủ động, tích cực trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành các hoạt động chuyển đổi số theo đúng lộ trình, kế hoạch đề ra.

Ban hành Kế hoạch kịp thời, đồng bộ: Trên cơ sở Kế hoạch số 4732/KH-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về chuyển đổi số năm 2025 trên địa bàn tỉnh, các đơn vị đã kịp thời ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025 của riêng mình, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với đặc thù ngành, lĩnh vực.

Quán triệt và thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo cấp trên: Các đơn vị đã nghiêm túc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định quan trọng của Trung ương và của tỉnh như Nghị quyết 09-NQ/TU của Tỉnh ủy và Quyết định 983/QĐ-UBND của UBND tỉnh, đảm bảo sự liên thông và nhất quán trong toàn hệ thống chính trị.

Đề đảm bảo tổ chức thực hiện chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về bảo đảm chính quyền địa phương 2 cấp tiếp tục vận hành ổn định, thông suốt, đưa Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã đi vào hoạt động kể từ ngày 01/7/2025 theo Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. Trên cơ sở các Văn bản chỉ đạo của Trung ương, Văn phòng UBND tỉnh đã chủ động kịp thời tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn tổ chức triển khai kịp thời, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

b) Tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những kết quả tích cực, công tác chỉ đạo, điều hành vẫn còn một số điểm cần khắc phục:

Thiếu sự chủ động, đồng bộ trong phối hợp: Một số thành viên BCD ở một số đơn vị còn chưa chủ động tham mưu, đề xuất giải pháp cụ thể. Công tác phối hợp giữa các đơn vị đôi lúc còn lúng túng, thiếu đồng bộ, dẫn đến hiệu quả thực hiện chưa cao.

Công tác kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên tại một số địa phương: Việc theo dõi, đánh giá tiến độ thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục, gây khó khăn trong việc điều chỉnh, bổ sung kịp thời các giải pháp phù hợp.

² (1). Sở Khoa học và Công nghệ, (2). Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, (3). Sở Công thương, (4). Thanh tra tỉnh, (5). Sở Giáo dục và Đào tạo, (6). Sở Nội vụ, (7). Sở Nông nghiệp và Môi trường, (8). Sở Ngoại vụ, (9). Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, (10). Sở Xây dựng, (11). Sở Y Tế, (12). Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, (13). Sở Dân tộc và Tôn giáo, (14). Sở Tài chính, (15). Sở Tư pháp, (16). Báo và Phát thanh, Truyền hình Lai Châu, (17). Bảo hiểm xã hội tỉnh Lai Châu, (18) Văn phòng UBND tỉnh, (19) Công an tỉnh, (20) Trường Chính trị tỉnh.

Công tác truyền thông, nâng cao nhận thức còn hạn chế: Các hình thức tuyên truyền về chuyển đổi số còn chưa đa dạng, chưa lan tỏa sâu rộng, đặc biệt là tại các khu vực vùng sâu, vùng xa, nơi người dân còn hạn chế trong việc tiếp cận Internet và các phương tiện truyền thông số.

Những tồn tại trong công tác chỉ đạo, điều hành này đã bộc lộ rõ nhất qua quá trình triển khai trụ cột trọng tâm là phát triển Chính quyền số.

2. Về công tác hoàn thiện thể chế số

2.1. Công tác xây dựng, ban hành các chương trình/đề án/kế hoạch, chính sách để thúc đẩy chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

+ Đề hoàn thiện thể chế trong thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số, Tỉnh đã ban hành³ 39 chương trình, kế hoạch, văn bản trong thực hiện nhiệm vụ khoa

³ (1) Chương trình số 63-CTr/TU ngày 27/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 57 về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; (2) Kế hoạch số 2273/KH-UBND ngày 22/05/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch Về việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; (3) Kế hoạch số 351-KH/TU ngày 03/06/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Kế hoạch Thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW theo chỉ đạo Trung ương với mục tiêu cụ thể đến tháng 6 và cuối năm 2025; (4) Quyết định số 1742/QĐ-TU ngày 28/03/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Quyết định Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tỉnh Lai Châu; (5) Kế hoạch số 01-TB/BCĐ ngày 08/04/2025 của Ban chỉ đạo 57 về Thông báo Phân công nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tỉnh Lai Châu; (6) Quyết định số 01-QĐ/BCĐ ngày 08/04/2025 của Ban chỉ đạo 57 về Quyết định Ban hành Quy chế làm việc Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tỉnh Lai Châu; (7) Quyết định số 02-QĐ/BCĐ ngày 08/04/2025 của Ban chỉ đạo 57 về Quyết định Thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tỉnh Lai Châu; (8) Kế hoạch số 337-KH/TU ngày 05/05/2025 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về Kế hoạch thực hiện Phong trào "Bình dân học vụ số"; (9) Kế hoạch số 2408/KH-UBND ngày 28/05/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số"; (10) Kế hoạch số 2653/KH-UBND ngày 06/06/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch Tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2025 - 2030, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; (11) Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 05/06/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Thành lập Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Lai Châu là tổ chức phối hợp liên ngành; (12) Quyết định số 3452/KH-UBND ngày 03/07/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết 57-NQ/TW và các Thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trong 06 tháng cuối năm 2025 (13) Kế hoạch số 2634/KH-UBND ngày 05/06/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch Triển khai, thực hiện Phong trào "Thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Lai Châu" giai đoạn năm 2025 – 2030; (14) Quyết định số 03-QĐ/BCĐ ngày 11/06/2025 của Ban chỉ đạo 57 về Quyết định Thành lập Tổ công tác triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số" trên địa bàn tỉnh; (15) Quyết định số 04-QĐ/BCĐ ngày 01/07/2025 của Ban chỉ đạo 57 về Quyết định Thành lập Tổ Công tác liên ngành giám sát, hỗ trợ triển khai Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương và Kế hoạch số 365- KH/TU, ngày 01/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW; (16) Quyết định số 05-QĐ/BCĐ ngày 01/07/2025 của Ban chỉ đạo 57 về Quyết định Thành lập Đội hỗ trợ phản ứng nhanh hỗ trợ về kỹ thuật trong quá trình triển khai Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương và Kế hoạch số 365-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW; (17) Kế hoạch số 365-KH/TU ngày 01/07/2025 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về Kế hoạch Thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; (18) Kế hoạch số 4308/KH-UBND ngày 04/08/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch Triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Lai Châu; (19) Kế hoạch số 4772/KH-UBND ngày 19/08/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch Triển khai hạ tầng mạng 5G và ứng dụng Internet vạn vật (IoT) trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm 2025; (20) Quyết định số 2057/QĐ-UBND ngày 30/07/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Phê duyệt Danh mục giải pháp phục vụ thí điểm chuyển đổi số toàn diện cấp tỉnh, phiên bản 1.0 giai đoạn 2025-2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu; (21) Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 11/03/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quyết định sửa đổi, bổ sung mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Lai Châu; (22) Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 26/05/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quyết định Ban hành mã định danh điện tử của các đơn vị thuộc Sở Công thương tỉnh Lai Châu; (23) Quyết định số 1472/QĐ-UBND ngày 20/06/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quyết định Ban hành mã định danh điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị trực thuộc sau sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp tỉnh Lai Châu; (24) Quyết định số 1733/QĐ-UBND ngày 04/07/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quyết định Đóng mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp tỉnh Lai Châu; (25) Quyết định số 2035/QĐ-UBND ngày 28/07/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Ban hành mã định danh điện tử của Hội đồng nhân dân cấp xã và các đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu; (26) Quyết định số 2215/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quyết định Ban hành mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Lai Châu; (27) Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 12/03/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quyết định Ban hành Quy chế tiếp nhận và giải quyết phản ánh hiện trường trên Hệ thống thông tin phản ánh hiện trường của Trung tâm giám sát an ninh mạng và điều hành thông minh tỉnh Lai Châu; (28) Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 11/03/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quyết định Ban hành Quy chế quản lý, vận hành Trung tâm giám sát an ninh mạng và điều hành thông minh tỉnh Lai Châu; (29) Quyết định số 1757/QĐ-UBND ngày 07/07/2025 của Ủy

học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành 12 Quyết định phê duyệt tổng cộng 1.719 Danh mục TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Trên cơ sở các TTHC được phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền được các bộ, cơ quan ngang bộ công bố, Văn phòng UBND tỉnh chủ động, phối hợp với các sở, ngành tỉnh tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố, công khai, “địa phương hóa” các TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC, cấu hình, xây dựng quy trình điện tử của 38 xã, phường trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; khai báo hoàn thành cập nhật Danh mục cơ quan và đơn vị hành chính cấp xã trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; tạo mới 1250 tài khoản cho cán bộ cấp xã; thu hồi 2668 tài khoản không sử dụng của cán bộ cấp huyện cũ; đồng thời gửi danh sách tài khoản cán bộ, công chức trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Lai Châu đến Công an tỉnh (Phòng PC06) theo chỉ đạo của Bộ Công an. Cập nhật chức năng đóng giao diện Cổng dịch vụ công tỉnh, điều hướng sang Cổng Dịch vụ công Quốc gia theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ để thực hiện các dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia là điểm “Một cửa số” duy nhất trên toàn quốc từ ngày 01/7/2025.

b) Tồn tại, hạn chế:

Tính phù hợp: cần tiếp tục rà soát, đề xuất điều chỉnh các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số để phù hợp hơn với tình hình thực tiễn và nguồn lực của ngành.

Tính thường xuyên: công tác chỉ đạo của các cấp ủy Đảng về chuyển đổi số có lúc, có việc chưa thường xuyên.

2.2. Công tác tổ chức triển khai thực hiện

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được:

Tổng số trạm BTS trên địa bàn tỉnh là 1.991 trạm (2G là 381; 3G là 542; 4G là 1.013; 5G là 55 trạm). Tổng thuê bao điện thoại đang hoạt động ước đạt 391.644

ban nhân dân tỉnh về Ban hành Quy chế quản lý, vận hành Trung tâm giám sát và điều hành thông minh tỉnh Lai Châu (30) Quyết định số 5913/KH-UBND ngày 02/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu; (31) Kế hoạch số 5926/KH-UBND ngày 03/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; (32) Kế hoạch số 6009/KH-UBND ngày 06/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch Triển khai thực hiện Luật Công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Lai Châu; (33) Kế hoạch số 5888/KH-UBND ngày 02/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch Hưởng ứng Ngày hội đổi mới sáng tạo quốc gia 01-10, ngày Chuyển đổi số quốc gia 10-10 năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu; (34) Kế hoạch số 11-KH/TU ngày 17/10/2025 của Tỉnh ủy Lai Châu về Kế hoạch về triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia quý IV năm 2025; (35) Kế hoạch số 1055/KH-UBND ngày 14/04/2025 về rà soát và cung cấp danh mục TTHC (TTHC) không phụ thuộc vào địa giới hành chính; (36) Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 thành lập Tổ Công tác cải cách hành chính (giúp việc cho Ban Chỉ đạo phát triển KHCN, ĐMST, CDS và Đề án 06 tỉnh Lai Châu); (37) Kế hoạch số 705/KH-UBND ngày 19/02/2025 về triển khai Đề án “Tăng cường chuyển đổi số lĩnh vực công tác dân tộc đến năm 2030”; (38) Kế hoạch số 1699/KH-UBND ngày 24/05/2022 về triển khai Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và CDS trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”; (39) Kế hoạch số 5926/KH-UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia...

(trong đó: Thuê bao cố định là 3.928; Thuê bao di động là 387.716). Tổng số thuê bao điện thoại thông minh (Smartphone) là 317.575 thuê bao. Tổng số thuê bao Internet là 58.160 thuê bao.

Hạ tầng số luôn được quan tâm, triển khai đồng bộ, đã trang bị máy tính để thực hiện công vụ cho 100% công chức, viên chức. Việc triển khai kết nối với các Hệ thống CNTT về Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư được thực hiện. Các đơn vị đã nỗ lực đảm bảo hạ tầng kỹ thuật cơ bản, phục vụ hiệu quả cho công tác chuyên môn và điều hành.

Mạng truyền số liệu chuyên dùng thực hiện kết nối đến 100% các Sở, ban, ngành tỉnh (18 đơn vị) với tốc độ trung bình là 31 Mbps; UBND các xã/phường (38 đơn vị) với tốc độ trung bình là 30 Mbps. Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh: đã triển khai đến 99 điểm cầu (91 điểm cầu của VNPT trong đó có 13 điểm cầu cho các doanh nghiệp; 8 điểm cầu của Viettel tỉnh), ngoài ra còn ứng dụng các hệ thống học trực tuyến, họp trực tuyến theo các hình thức Web Conferencing, Video Conference... 100% các cơ quan quản lý nhà nước từ cấp xã trở lên có mạng LAN, 100% kết nối Internet cáp quang.

Trung tâm dữ liệu tỉnh, Trung tâm giám sát và điều hành thông minh tỉnh Lai Châu để quản lý tập trung các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung toàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu triển khai chính quyền số, đô thị thông minh.

100% được trang bị máy tính để thực hiện công vụ.

100% các sở, ngành, địa phương có kết nối cáp quang; 100% sở, ngành, địa phương kết nối LAN.

Duy trì kết nối ổn định, phục vụ hội nghị truyền hình trực tuyến và hệ thống nội bộ.

b) Tồn tại, hạn chế:

Trên địa bàn tỉnh hiện còn 21 thôn, bản chưa có sóng điện thoại di động băng rộng (trong đó có 4 bản chưa có điện lưới sinh hoạt) và 191 thôn, bản chưa có mạng Internet băng rộng cáp quang, gây khó khăn trong việc phổ cập dịch vụ trực tuyến và triển khai chuyển đổi số toàn diện.

Dù có nhiều nỗ lực, nền tảng hạ tầng của tỉnh vẫn còn tồn tại những điểm yếu mang tính hệ thống cần được ưu tiên giải quyết.

Trang thiết bị lỗi thời, xuống cấp: Tình trạng trang thiết bị, đặc biệt là máy tính, đã cũ, hết khấu hao và thường xuyên hỏng hóc là vấn đề phổ biến ở nhiều cơ quan, gây ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ và hiệu quả công việc.

4. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

a) Kết quả đạt được:

Đề thu hút nguồn nhân lực cao dành cho KHCN và CDS, tỉnh tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 về quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và chính sách đãi ngộ đối với bác sỹ đang công tác tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trên địa bàn tỉnh Lai Châu, trong đó có mức thu hút dành cho người có trình độ chính quy lĩnh vực công nghệ thông tin: tốt nghiệp loại giỏi trở lên được hỗ trợ 150 triệu đồng, tốt nghiệp loại khá được hỗ trợ 100 triệu đồng.

Tỉnh đã chủ trì và phối hợp tổ chức hơn 30 lớp tập huấn với gần 2000 học viên, nội dung tập trung vào kiến thức chuyển đổi số, an toàn - an ninh - bảo mật thông tin; Ứng dụng AI và ChatGPT...

Công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số được triển khai rộng khắp. 100% cán bộ, công chức, viên chức đã được tập huấn về chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin.

Ứng dụng công nghệ được triển khai, áp dụng trong Ngành giáo dục ghi nhận tỷ lệ rất cao, với trên 99% nhà giáo sử dụng CNTT trong giảng dạy và 91% sử dụng thành thạo ít nhất một nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI).

Tiếp tục triển khai các khóa học trên Cổng thông tin bình dân học vụ số⁴, đăng ký và học trên Cổng bình dân học vụ số với hơn 125 nghìn Học viên là cán bộ, công chức, viên chức trên toàn tỉnh. Tham gia tập huấn và tự học Cổng thông tin Bình dân học vụ số của quốc gia tại địa chỉ <https://binhdanhocvuso.gov.vn>.

Phối hợp tổ chức tập huấn (trực tuyến và trực tiếp) cho cán bộ làm nhiệm vụ kiểm soát TTHC và tại Bộ phận một cửa các cấp, ưu tiên nhất là cấp xã, phường sau thành lập.

Tỉnh đã có văn bản chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 179/2025/NĐ-CP ngày 1/7/2025 của Chính phủ và Thông tư số 23/2025/TT-BKHCN ngày 20/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ, trong đó nêu rõ việc hỗ trợ đối với cán bộ chuyển đổi số, công nghệ thông tin là 5 triệu đồng/tháng, áp dụng từ 15/8/2025.

b) Tồn tại, hạn chế:

Tình trạng thiếu hụt nhân lực chuyên trách về CNTT và an toàn thông tin là vấn đề chung của hầu hết các Sở, ban, ngành. Đa số các đơn vị phải bố trí cán bộ kiêm nhiệm, không được đào tạo bài bản, dẫn đến bị động khi xử lý sự cố và hạn chế trong việc tham mưu, triển khai các giải pháp công nghệ mới.

5. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được:

⁴ tại địa chỉ: <https://binhdanhocvuso.laichau.gov.vn>

Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP): đã hoàn thiện và được đưa vào vận hành, được kết nối với Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP). Nền tảng thường xuyên được cập nhật đảm bảo sự kết nối và liên thông dữ liệu hiệu quả giữa các sở, ngành trong tỉnh và từ cấp tỉnh đến trung ương nhằm tạo ra một hệ sinh thái dữ liệu thông suốt và đồng bộ từ địa phương đến trung ương với 14 kết nối đã hoàn thành và 18 kết nối đang thực hiện. Ngoài ra còn có 07 kết nối trực tiếp giữa hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương.

Hệ thống quản lý văn bản và điều hành với hơn 9600 tài khoản kết nối liên thông tới 100% cơ quan Đảng, các cấp chính quyền, các ban ngành đoàn thể và các tổ chức hội do tỉnh thành lập, đã thực hiện việc kết nối với Trung ương trên Trục liên thông văn bản quốc gia, để gửi nhận văn bản điện tử trung bình 1 triệu văn bản/năm. Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh với hơn 12000 hộp thư đảm bảo an toàn bảo mật trong giao dịch điện tử trên môi trường mạng. Hơn 12000 chữ ký số của các cá nhân, tổ chức đang hoạt động để thực hiện xác thực điện tử trên môi trường số trong các hoạt động công vụ của hệ thống chính trị và giao dịch với người dân, doanh nghiệp.

Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC tỉnh Lai Châu đã hoàn thành việc nâng cấp phục vụ kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu với Cổng dịch vụ công quốc gia; hoàn thành việc đóng giao diện Cổng dịch vụ công cấp tỉnh từ ngày 01/7/2025; đồng thời, kết nối chia sẻ dữ liệu quốc gia về dân cư với các CSDL chuyên ngành tiếp tục được triển khai đúng tiến độ, qua đó ngoài việc làm giàu dữ liệu dân cư, đã góp phần làm sạch dữ liệu chuyên ngành, xác thực thông tin công dân chính xác, phục vụ giải quyết các TTHC; xây dựng kho lưu trữ cho tổ chức, cá nhân phục vụ số hóa hồ sơ; hoàn thành tích hợp chức năng số hóa hồ sơ. Tổng số DVCTT đã thực hiện cung cấp, tích hợp trên Cổng DVC quốc gia là: 1.190/2.154 TTHC, đạt 55,25% (chưa cung cấp là 964/2.154 TTHC, chiếm 44,75%, trong đó chủ yếu là các TTHC không có hồ sơ phát sinh, DVCTT thực hiện trên các Hệ thống chuyên ngành,...). Tỉnh đã đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu với các Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư, bảo hiểm xã hội... và tích cực xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục, đất đai, nông nghiệp, du lịch...

Tỉnh đã đưa vào khai thác 27⁵ cơ sở dữ liệu của các sở, ban, ngành và địa

⁵ - 02 CSDL do Thanh tra Chính phủ xây dựng triển khai cho tỉnh gồm: (1) Cơ sở dữ liệu quốc gia báo cáo công tác thanh tra, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng; (2) Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo.

- 01 Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức do Sở Nội vụ xây dựng.

- 03 CSDL do Bộ Xây dựng triển khai trên địa bàn tỉnh gồm: (1) Cơ sở dữ liệu về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân (phần mềm QL năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân); (2) Cơ sở dữ liệu thông kê ngành xây dựng (Hệ thống thông tin thông kê ngành xây dựng); (3) Cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản (hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản).

- 01 Cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc do Sở Dân tộc và Tôn giáo triển khai, thực hiện.

- 04 CSDL do Bộ Công thương xây dựng triển khai trên địa bàn tỉnh gồm: (1) Hệ thống CSDL năng lượng quốc gia (dataenergy.vn); (2) Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia (chemicaldata.gov.vn); (3) Hệ thống CSDL Văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (vpdd.dvctt.gov.vn); (4) Cơ sở dữ liệu về bán hàng đa cấp.

- 01 CSDL chuyên ngành tài chính do Sở Tài chính xây dựng và vận hành.

- 01 CSDL quốc gia trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp, đấu thầu, giám sát đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước do Bộ Tài chính (trước là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) triển khai tại địa phương, Sở Tài chính vận hành.

phương. Ngoài ra, cũng triển khai các CSDL của bộ, ngành TW như: Thuế, Tài chính, Hải quan, Đăng ký kinh doanh, Đất đai, Xây dựng, Quản lý phương tiện, cấp phép lái xe, hộ tịch, hộ chiếu...

Đã đạt được những kết quả ấn tượng trong việc làm sạch và đồng bộ dữ liệu chuyên ngành với CSDL quốc gia về dân cư, cụ thể: dữ liệu bảo hiểm xã hội đạt 99,8%, dữ liệu học sinh đạt 99,9%, và đã hoàn thành số hóa 100% dữ liệu khai sinh.

Các nền tảng chuyên ngành đã được hình thành và đưa vào vận hành, tiêu biểu là Cổng Du lịch thông minh (dulich.laichau.gov.vn) và các cơ sở dữ liệu về trồng trọt, thủy lợi, góp phần số hóa các ngành kinh tế trọng điểm.

Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa:

- Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ TTHC đạt 94,38% - Số liệu thống kê trên Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC tỉnh Lai Châu.

- Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết TTHC đạt 83,12% - Số liệu thống kê trên Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC tỉnh Lai Châu.

- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa 58.042 hồ sơ đạt 91,96% - Số liệu thống kê trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã hoàn thành việc xây dựng kho lưu trữ cho tổ chức, cá nhân phục vụ số hóa hồ sơ.

100% cán bộ, công chức, viên chức tại đơn vị được cập nhật trên Hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức điện tử.

b) Tồn tại, hạn chế:

Các kết nối giữa hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành TW với địa phương liên tục phát sinh và thay đổi kỹ thuật kết nối nên thường xuyên phải hiệu chỉnh hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

Nhiều Hệ thống dữ liệu chưa được kết nối hoàn chỉnh dẫn tới việc thiếu hoặc chưa đáp ứng đúng yêu cầu.

Dữ liệu phân mảnh, thiếu liên thông: Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành còn chưa hoàn chỉnh, chưa đồng bộ.

Vùng lõm sóng và chất lượng Internet không đồng đều: Tại các khu vực vùng

- 04 CSDL do Bộ nội vụ (trước là Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) xây dựng, Sở Nội vụ vận hành gồm: (1) CSDL cung - cầu lao động (Người tìm việc, việc tìm người); (2) CSDL Quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở; (3) CSDL Hệ thống thông tin trợ giúp xã hội và giảm nghèo; (4) CSDL thông tin mộ và nghĩa trang liệt sĩ.

- 02 Cơ sở dữ liệu do Sở Tư pháp xây dựng và vận hành: (1) Cơ sở dữ liệu về công chứng, chứng thực hợp đồng giao dịch liên quan đến bất động sản và (2) Cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính.

- 06 CSDL do Sở Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường) xây dựng và vận hành: (1) Hệ thống Quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản; (2) Cơ sở dữ liệu về trồng trọt; (3) Cơ sở dữ liệu về thủy lợi; (4) CSDL đất đai trước đây là huyện Phong Thổ, Sìn Hồ, Thành phố Lai Châu, Than Uyên; (5) CSDL Khoáng sản tỉnh Lai Châu; (6) Hệ thống thông tin khai thác dữ liệu số.

- 01 Cơ sở dữ liệu về biên giới do Sở Ngoại vụ quản lý, vận hành.

- 01 Hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục Lai Châu do Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng và vận hành.

sâu, vùng xa, miền núi, chất lượng kết nối Internet còn yếu và không ổn định, gây cản trở lớn cho việc tiếp cận dịch vụ công trực tuyến và triển khai các mô hình giáo dục số.

Để vận hành hiệu quả hạ tầng và khai thác dữ liệu số, việc phát triển nguồn nhân lực đủ năng lực và đảm bảo an toàn thông tin là các yếu tố then chốt.

6. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được:

Toàn tỉnh Lai Châu hiện có 56 hệ thống thông tin Phân loại theo cấp độ an toàn thông tin, có: 12 hệ thống thông tin cấp độ 3; 26 hệ thống thông tin cấp độ 2; 04 hệ thống thông tin cấp độ 1; 14 hệ thống thông tin chưa được phê duyệt cấp độ.

05/56 hệ thống thông tin có kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc hệ thống định danh và xác thực điện tử.

Các biện pháp cơ bản được thực hiện đồng bộ tại hầu hết các cơ quan, như tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và trang bị 100% máy trạm phần mềm phòng chống mã độc.

Các hệ thống thông tin trọng yếu đã được chú trọng bảo vệ. Các sở, ngành đã chủ động xây dựng và trình phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Lực lượng Công an tỉnh đã phát huy vai trò nòng cốt, triển khai các biện pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi tấn công mạng, góp phần bảo vệ an toàn cho các hệ thống thông tin của tỉnh.

b) Tồn tại, hạn chế:

Một số giải pháp an toàn thông tin hiện có chưa theo kịp với các hình thức tấn công mạng ngày càng tinh vi, phức tạp. Việc kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ chưa được thực hiện thường xuyên. Nhận thức về các nguy cơ an ninh mạng của một bộ phận cán bộ còn hạn chế, tiềm ẩn nguy cơ gây mất an toàn cho hệ thống.

7. Chính quyền số

a) Kết quả đạt được:

Xây dựng Chính quyền số là nhiệm vụ trọng tâm nhằm đổi mới phương thức hoạt động của cơ quan nhà nước, hướng tới mục tiêu phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn. Trong bối cảnh của Lai Châu, mục tiêu này được cụ thể hóa thông qua việc số hóa và đơn giản hóa TTHC, nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến và hiện đại hóa hoạt động quản lý, điều hành nội bộ bằng công nghệ.

Toàn tỉnh đã thành lập 40 Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một

cửa gồm: Cấp tỉnh 01 Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lai Châu; 01 Bộ phận Một cửa Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; 36 Trung tâm Phục vụ Hành chính công xã, phường; 02 Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã Tà Tổng và xã Mù Cạ.

Về việc TTHC được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26-03-2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026. UBND tỉnh Lai Châu đã ban hành Kế hoạch số 1055/KH-UBND ngày 14/04/2025, trong đó đã giao các cơ quan, đơn vị địa phương thực hiện rà soát và cung cấp danh mục TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Tính đến thời điểm báo cáo, Chủ tịch UBND tỉnh đã phê duyệt 12 Quyết định với tổng 1.719 Danh mục TTHC phi địa giới hành chính (trong đó: lĩnh vực Nội vụ 122 TTHC; lĩnh vực Y tế 45 TTHC; lĩnh vực Tài chính 91 TTHC; lĩnh vực Xây dựng 188 TTHC; lĩnh vực Khoa học và Công nghệ 175; lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch 166 TTHC; lĩnh vực Ngoại vụ 04; lĩnh vực Tư pháp 195; lĩnh vực Công thương 258; lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo 114; lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường 313; các lĩnh vực: Quản lý khu công nghiệp khu kinh tế, Đầu tư tại Việt nam, Đấu thầu, Quản lý chất lượng công trình xây dựng, Hoạt động xây dựng thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh 48 TTHC).

Về việc cung cấp, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định. Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 1.378 DVC đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; tổng số DVCTT được tích hợp, cung cấp trên cổng DVC quốc gia là 1.037/1.378 DVCTT (đạt tỷ lệ 75,25%), đang thực hiện tích hợp, kiểm thử đối với 341 DVCTT trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (trong đó gồm 29 TTHC không thực hiện áp dụng DVC được do TTHC gốc các bộ, ngành đã chọn DVC dùng chung; đang thực hiện 312 DVC).

- Về việc rà soát, cung cấp DVCTT liên quan đến doanh nghiệp: Thực hiện ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, Văn phòng UBND tỉnh tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện rà soát, cung cấp 100% DVCTT có liên quan đến doanh nghiệp. Tính đến thời điểm báo cáo, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 11 Quyết định phê duyệt Danh mục TTHC liên quan đến doanh nghiệp thực hiện trên môi trường điện tử với với tổng số là 975 DVCTT (lũy kế, 1.144 DVCTT liên quan đến doanh nghiệp).

Vận hành các Hệ thống Thông tin Trọng yếu:

Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (VNPT-iOffice) được triển khai đồng bộ, đảm bảo 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật) được thực hiện dưới dạng điện tử và ký số, góp phần xây dựng môi trường làm việc không giấy tờ.

b) Tồn tại, hạn chế:

Dù đạt nhiều thành tựu, quá trình xây dựng Chính quyền số vẫn đối mặt với các rào cản mang tính hệ thống:

Thiếu sự kết nối, đồng bộ giữa các hệ thống dữ liệu: Nhiều hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành chưa được kết nối, chia sẻ dữ liệu một cách thông suốt, gây khó khăn cho việc khai thác và tái sử dụng thông tin.

Hạ tầng và trang thiết bị tại cấp xã còn thiếu thốn: Cơ sở vật chất phục vụ công tác chuyển đổi số và giải quyết TTHC ở cấp xã còn thiếu và chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ tại cơ sở.

Tỷ lệ thanh toán trực tuyến còn thấp: Tỷ lệ thanh toán trực tuyến của một số đơn vị còn rất thấp, chưa đạt mục tiêu đề ra. Nguyên nhân chính là do thói quen sử dụng tiền mặt của người dân và hạn chế về thiết bị thông minh, tài khoản ngân hàng ở khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa.

Rõ ràng, để Chính quyền số vận hành thông suốt và giải quyết các hạn chế về kết nối, việc xây dựng một hạ tầng số đồng bộ, vững chắc phải được coi là yêu cầu tiên quyết.

8. Kinh tế số và Xã hội số

a) Kết quả đạt được:

- Lĩnh vực Kinh tế số: Các hoạt động Kinh tế số tập trung vào phát triển thương mại điện tử (TMĐT), du lịch thông minh, và số hóa sản xuất công nghiệp.

Duy trì sàn thương mại điện tử tỉnh tại địa chỉ <https://laichau.biz> với 433 tài khoản đăng ký (208 người bán, 225 người mua). Có 371 sản phẩm được đưa lên sàn, trong đó có 205 sản phẩm OCOP.

Đã phát hành 610 cuốn Sổ tay thương mại điện tử nhằm cung cấp thông tin về pháp luật TMĐT và các ứng dụng TMĐT đến cán bộ quản lý, doanh nghiệp và hợp tác xã.

Tổ chức sự kiện “Thúc đẩy liên kết vùng trong phát triển thương mại điện tử - Nâng tầm sản phẩm vùng Trung du và miền núi phía Bắc” năm 2025 tại tỉnh Lai Châu gắn với Lễ hội trà huyện Tân Uyên lần thứ II; tại sự kiện đã tổ chức triển lãm công nghệ số với trên 50 gian hàng quảng bá các sản phẩm đặc trưng của tỉnh Lai Châu và các tỉnh trong vùng, các mô hình công nghệ số và 01 gian hàng kết nối, 01 gian hàng Mega livestream đã thu hút được gần 1.000 lượt khách tham quan, mua sắm; tổ chức các phiên đào tạo thực chiến về kỹ năng số, livestream, vận hành gian hàng, thu hút gần 400 học viên là đại diện doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, thanh niên khởi nghiệp tham gia; tổ chức Hội thảo chuyên đề về chuyển đổi số và TMĐT với sự tham gia của hơn 200 đại biểu là các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; tổ chức các phiên

livestream tại thành phố Lai Châu và huyện Tân Uyên đã thu hút 30,2 triệu lượt tiếp cận với doanh thu đạt trên 300 triệu đồng.

Phối hợp với Tiktok Việt Nam, Viettel post Lai Châu, các KOC, KOL và UBND các xã tổ chức các phiên livestream tại các xã: Sìn Hồ, Bình Lư, Than Uyên và trong khuôn khổ “Ngày hội sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi phía Bắc và Hội nghị kết nối giao thương”,... giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm nông sản như: Khoai sâm, miến dong, gạo nếp tan pôm, mật ong, trà, đông trùng hạ thảo, thịt sấy,... Qua đó đã chốt được gần 4.000 đơn hàng với doanh thu bán hàng qua nền tảng thương mại điện tử khoảng 6 tỷ đồng; trong đó kết nối tiêu thụ được gần 700 tấn khoai sâm.

Phối hợp tổ chức sự kiện “Thúc đẩy liên kết vùng trong phát triển thương mại điện tử” năm 2025.

Tổ chức 02 lớp tập huấn về “Khởi sự kinh doanh trong lĩnh vực thương mại điện tử” cho 100 học viên tại Bum Tở và Than Uyên, qua đó đã chốt được 100 đơn hàng qua livestream.

Ghi nhận tổng số sản phẩm OCOP của tỉnh là 25. Tổng số sản phẩm chủ lực được đưa lên sàn TMĐT là 19.

Hệ thống Du lịch Thông minh tỉnh Lai Châu (dulich.laichau.gov.vn) đã được vận hành, xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) về tài nguyên du lịch. Du khách có thể dễ dàng tìm kiếm, so sánh và đặt dịch vụ trực tuyến.

Hỗ trợ Quản lý và Điều hành Du lịch thông kê và phân tích dữ liệu về lượt khách, doanh thu du lịch, loại hình du lịch được ưa chuộng.

Đã chỉ đạo triển khai hoàn thành 03 đề án khuyến công địa phương, hỗ trợ các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn đầu tư máy móc, ứng dụng công nghệ trong sản xuất - đóng gói - bảo quản.

Lĩnh vực Năng lượng: Công ty Điện lực Lai Châu ứng dụng Internet vạn vật (IoT) trong quản lý kỹ thuật - vận hành và hiện đại hóa lưới điện; xây dựng 02 mạch vòng DAS giám sát tự động hóa lưới điện phân phối.

- Lĩnh vực Xã hội số: Các hoạt động Xã hội số tập trung vào y tế, giáo dục, truyền thông đa ngôn ngữ và thanh toán không dùng tiền mặt.

Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử hiện đạt 87,9% tổng dân số toàn tỉnh, vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Thực hiện khám, chữa bệnh BHYT dùng căn cước công dân và ứng dụng VNeID thay cho thẻ BHYT.

Đã cấp hơn 1.000 chứng thư số cho đội ngũ bác sỹ để thực hiện ký số đơn thuốc điện tử và triển khai Bệnh án điện tử.

Đã chỉ đạo triển khai Học bạ số áp dụng chính thức cho 100% học sinh cấp Tiểu học, THCS, THPT (tính đến 30/9/2025).

100% cơ sở giáo dục đã triển khai hệ thống quản trị nhà trường và ứng dụng công nghệ trong dạy học.

Phổ cập kỹ năng số và bồi dưỡng kỹ năng Trí tuệ nhân tạo (AI) cho cán bộ, giáo viên, học sinh. Đã phối hợp với tổ chức CARE triển khai chuyên đề AI dành riêng cho hơn 3.000 giáo viên bậc mầm non.

Tỷ lệ thanh toán trực tuyến toàn tỉnh đạt 83,5% (8,35/10 điểm) - đạt mục tiêu đề ra của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP.

Ứng dụng rộng rãi các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt như Momo, VNPAY, ViettelPay, và khuyến khích thanh toán không dùng tiền mặt trong nộp phí kiểm định, giá kiểm định, phí bảo trì đường bộ.

Đẩy mạnh triển khai dịch vụ thanh toán điện tử không dùng tiền mặt. Khuyến khích sử dụng tài khoản thanh toán trực tuyến

Tiếp tục duy trì và tăng cường chuyên mục Chuyển đổi số (02 số/tháng từ 01/5/2024).

Các tin bài về chuyển đổi số được tuyên truyền bằng 4 tiếng dân tộc (Thái, Mông, Dao, Hà Nhì) trên sóng phát thanh, truyền hình.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Hạn chế về Thanh toán số và Dịch vụ công:

Nguyên nhân chính là do người dân vẫn quen với hình thức giao dịch tại bộ phận một cửa, khả năng tiếp cận thông tin, trình độ và phương tiện máy móc (điện thoại thông minh, tài khoản ngân hàng) của người dân vùng sâu, vùng xa còn hạn chế.

- Hạn chế trong Kinh tế số (Doanh nghiệp và Du lịch):

Thương mại điện tử: Việc ứng dụng TMĐT của các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh còn hạn chế; doanh nghiệp chủ yếu có quy mô nhỏ, chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của chuyển đổi số, thiếu vốn và nhân lực công nghệ.

Du lịch số: thiếu kinh phí để triển khai dự án, dữ liệu số hóa còn hạn chế chưa được chuẩn hóa, và không có cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin.

- Hạn chế trong Xã hội số (Giáo dục và Y tế):

Giáo dục số: Tỷ lệ học sinh có thiết bị học tập số còn thấp (chỉ đạt 26,2%), dẫn đến khó khăn trong việc phổ cập học tập số và dạy học trực tuyến ở vùng sâu, vùng xa.

Y tế số: Tiến độ làm giàu dữ liệu trong Hồ sơ sức khỏe điện tử còn chậm do

các đơn vị khám, chữa bệnh cần hoàn thiện hệ thống phần mềm để chuyển dữ liệu theo quy định mới của Bộ Y tế.

9. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số

9.1. Ngày Chuyển đổi số

9.1.1. Kết quả đạt được:

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 5888 /KH-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc Hưởng ứng Ngày hội đổi mới sáng tạo quốc gia 01-10, ngày Chuyển đổi số quốc gia 10-10 năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

a) Tuyên truyền về Ngày Chuyển đổi số Quốc gia (10/10) và nhận diện thương hiệu

Các sở, ngành đã tổ chức hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia (10/10) với chủ đề năm 2025 là “Chuyển đổi số toàn dân, toàn diện, toàn trình để tăng tốc, bứt phá phát triển kinh tế số”.

Hưởng ứng mạnh mẽ: Nhiều cơ quan, đơn vị đã tổ chức tuyên truyền, quán triệt, phổ biến tới 100% công chức, viên chức, người lao động về mục đích, ý nghĩa và chủ đề của Ngày Chuyển đổi số.

Sử dụng Bộ nhận diện: Nhiều đơn vị đã tích cực phổ cập, truyền thông bộ nhận diện Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2025 thông qua việc hiển thị trên Trang Thông tin điện tử của các Sở và hệ thống mạng nội bộ.

Lan truyền trên không gian mạng: 100% công chức, viên chức đã hưởng ứng bằng cách thay ảnh đại diện có kèm khung hình nhận diện (avatar frame) Ngày Chuyển đổi số quốc gia trên các nền tảng trực tuyến như Zalo, Facebook.

b) Tuyên truyền qua các kênh truyền thông chính thức

Chuyên mục CDS trên Trang thông tin điện tử: các sở, ngành đã duy trì và tăng cường cập nhật chuyên mục Chuyển đổi số trên trang thông tin điện tử của mình.

Sở Nội vụ đã viết và đăng 112 tin, bài, ảnh trên Trang thông tin Cải cách hành chính (CCHC) và 77 tin, bài, ảnh trên Trang thông tin điện tử của Sở.

Truyền thông Báo chí: Báo và Phát thanh, Truyền hình Lai Châu đã có những hoạt động tuyên truyền nổi bật:

Tiếp tục duy trì và tăng số lượng chuyên mục Chuyển đổi số sản xuất mới lên 02 số/ tháng từ 01/5/2024.

Các tin bài về chuyển đổi số còn được tuyên truyền trên sóng phát thanh, truyền hình bằng 4 tiếng dân tộc (Thái, Mông, Dao, Hà Nhì), ngoài tiếng phổ thông.

Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh tuyên truyền gần gần 2000 tin, bài, ảnh,

phóng sự; 4 chuyên mục trên phát thanh và truyền hình tiếng phổ thông, các tin, bài, phóng sự trên báo điện tử, các ấn phẩm của báo in trong năm 2025.

Các cấp, các ngành đã nỗ lực trong việc tuyên truyền về chuyển đổi số trong điều kiện năm 2025 chưa được cấp kinh phí để thực hiện, tài liệu, tư liệu về chuyển đổi số còn ít nhưng các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở và các cơ quan, đơn vị, địa phương đã đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền đến với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; tuyên truyền thông qua buổi sinh hoạt tổ dân phố, thôn bản và tuyên truyền qua đội ngũ tuyên truyền viên cơ sở đến với Nhân dân về chủ trương, đường lối, chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch và công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của các cấp, các ngành trong công tác chuyển đổi số với hình thức đa dạng, phong phú.

c) Phổ biến Kiến thức và Kỹ năng số

Công tác tuyên truyền gắn liền với hoạt động phổ cập kỹ năng số và hướng dẫn sử dụng các nền tảng số: Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tích cực triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số".

9.1.2. Tồn tại, hạn chế:

Mặc dù có nhiều kết quả tích cực, công tác tuyên truyền, truyền thông vẫn còn nhiều thách thức, đặc biệt tại các khu vực khó khăn:

Hiệu quả tiếp cận thấp ở vùng sâu, vùng xa: Công tác truyền thông tuy đã đa dạng nhưng hiệu quả tiếp cận vẫn chưa cao, đặc biệt là đối với người dân ở vùng sâu, vùng xa, nơi hạ tầng số còn hạn chế, sóng điện thoại yếu và người dân chưa sử dụng điện thoại thông minh.

Hình thức chưa đa dạng: các hình thức trao đổi, tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số còn hạn chế, cần có giải pháp khác song song với việc tuyên truyền trên Internet như khẩu hiệu, chỉ dẫn.

Thiếu hụt Nguồn lực (Kinh phí và Tài liệu): chưa có kinh phí để thực hiện truyền thông về chuyển đổi số và tài liệu tuyên truyền còn ít.

Hạn chế về Nền tảng số của Sở: một số đơn vị trực thuộc chưa có trang thông tin điện tử nên công tác truyền thông qua Internet hiệu quả còn hạn chế. chưa xây dựng fanpage facebook và Zalo để tăng cường truyền thông.

Nhận thức chưa đồng đều: Nhận thức của người dân, phụ huynh, học sinh về chuyển đổi số còn hạn chế, chưa hình thành thói quen học tập, giao dịch và tra cứu trên môi trường mạng

9.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

9.2.1 Kết quả đạt được:

a) Ứng dụng Nền tảng và Hệ thống dùng chung

Hệ thống Du lịch Thông minh: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã vận hành Hệ thống Du lịch Thông minh tại địa chỉ dulich.laichau.gov.vn và ứng dụng di động, được triển khai qua hợp tác với Viettel. Hệ thống này hỗ trợ thống kê và phân tích dữ liệu về lượt khách, doanh thu du lịch.

Phần mềm Văn hóa và Dân tộc: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã hoàn thiện và điều chỉnh Phần mềm nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống dân tộc thiểu số, tổ chức tập huấn hướng dẫn sử dụng cho lãnh đạo, công chức cấp xã, phường (cũ) để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Kết nối CSDL chuyên ngành: Sở Xây dựng đã phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) để hỗ trợ cung cấp bộ key kết nối các hệ thống thông tin trong tỉnh với các cơ sở dữ liệu của Bộ Xây dựng thông qua nền tảng tích hợp dữ liệu cấp tỉnh (LGSP).

b) Sáng kiến trong Thương mại điện tử (TMĐT)

Hỗ trợ Khởi nghiệp TMĐT: Sở Công Thương đã tổ chức 02 lớp tập huấn về “Khởi sự kinh doanh trong lĩnh vực thương mại điện tử” và thực hiện livestream hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm cho 100 học viên, qua đó chốt được 100 đơn hàng.

Sự kiện Liên kết vùng: Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị tổ chức sự kiện “Thúc đẩy liên kết vùng trong phát triển thương mại điện tử - Nâng tầm sản phẩm vùng Trung du và miền núi phía Bắc”.

Các sở, ngành đã chú trọng phổ biến các kiến thức và kỹ năng số thông qua các hoạt động tập huấn, hội thảo, và truyền thông nội bộ:

Phong trào “Bình dân học vụ số”: đã triển khai sâu rộng phong trào này, với 100% công chức, viên chức, người lao động đăng ký tài khoản và hoàn thành các nội dung khóa học trên Cổng thông tin Bình dân học vụ số tỉnh Lai Châu.

Ứng dụng AI/Trợ lý ảo: Ban Quản lý Khu kinh tế đã ứng dụng trợ lý ảo, AI trong hỗ trợ giải quyết công việc, tóm tắt tài liệu, chuẩn bị bài trình chiếu, góp phần đổi mới phương pháp quán triệt và đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ trong điều hành. tiếp tục duy trì khai thác ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) do Sở KH&CN triển khai.

9.2.2. Tồn tại, hạn chế:

Thiếu đánh giá Sáng kiến: chưa có đánh giá cụ thể về các sáng kiến, mô hình chuyển đổi số tiêu biểu của ngành được nhân rộng.

Hạn chế Truyền thông: Việc truyền thông chưa được rộng rãi và chi tiết, còn hạn chế ở hình thức trao đổi, tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

9.3. Công tác truyền thông về chuyển đổi số

9.3.1 Kết quả đạt được:

- Cổng thông tin điện tử tỉnh, Báo Lai Châu điện tử với hơn 2 triệu người truy cập/năm cung cấp thông tin 24/7 về kinh tế xã hội; các thông tin chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo tỉnh; thường xuyên cập nhật cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước để phục vụ người dân và doanh nghiệp. Hệ thống fanpage “UBND tỉnh Lai Châu” với 51.842 người theo dõi trang và hệ thống OA “UBND tỉnh Lai Châu” trên Zalo với 12.626 người quan tâm cũng là kênh thông tin nhanh chóng, kịp thời thông tin chính thống cho người dân trên địa bàn tỉnh.

- Các cơ quan báo chí Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Cổng thông tin đối ngoại tỉnh, các nền tảng có lượng người theo dõi lớn như Fanpage Lai Châu, hệ thống thông tin cơ sở đẩy mạnh tuyên truyền tuyên truyền các chương trình về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát huy vai trò của các cơ quan báo chí truyền thông, cổng/trang thông tin điện tử, các kênh truyền thông số chính thức của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc cung cấp thông tin - tuyên truyền về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để truyền thông, tại các địa chỉ, cụ thể:

- Trong năm 2025, Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh tuyên truyền gần gần 2000 tin, bài, ảnh, phóng sự; 4 chuyên mục trên phát thanh và truyền hình tiếng phổ thông, các tin, bài, phóng sự trên báo điện tử, các ấn phẩm của báo in (Báo Lai Châu, Báo Lai Châu cuối tuần, Báo Lai Châu dành cho đồng bào các dân tộc vùng cao), các chương trình thời sự phát thanh, truyền hình tiếng phổ thông và 4 tiếng dân tộc: Thái, Mông, Dao, Hà Nhì.

+ Nội dung các bài viết tập trung phản ánh kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành của các cấp, ngành; việc triển khai các nền tảng số như: VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt, dịch vụ công trực tuyến, cùng những mô hình, cách làm hay trong chuyển đổi số ở địa phương. Ngoài ra, nhiều bài viết còn giới thiệu vai trò của đoàn viên, thanh niên, phụ nữ trong thúc đẩy chuyển đổi số, qua đó lan tỏa nhận thức và khơi dậy tinh thần đổi mới trong cộng đồng.

+ Bên cạnh đa dạng về nội dung, Báo và Phát thanh, Truyền hình Lai Châu cũng chú trọng đổi mới hình thức thể hiện, tăng cường ứng dụng công nghệ trong sản xuất và truyền tải thông tin. Trang báo hiện đã tích hợp các sản phẩm đa phương tiện như podcast, e-magazine, infographic, multimedia video, giúp tin bài sinh động, hấp dẫn hơn, đáp ứng xu hướng tiếp cận thông tin bằng hình ảnh, âm thanh trên nền tảng số. Đồng thời, tích hợp đọc báo in trên báo điện tử. Qua đó cho thấy Báo và Phát thanh, Truyền hình Lai Châu đang từng bước nâng cao trải nghiệm độc giả và mở rộng phạm vi tiếp cận công chúng.

+ Cùng với đó, Báo và Phát thanh, Truyền hình duy trì và phát triển nội dung thông tin phong phú trên các nền tảng số, thu hút đông đảo công chúng quan tâm. Các chương trình livestream, truyền hình trực tiếp các sự kiện lớn của tỉnh hay

các video clip được thực hiện ngày càng chuyên nghiệp, đáp ứng xu hướng thưởng thức thông tin nhanh gọn và linh hoạt của công chúng.

- Cổng Thông tin điện tử tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu, Cổng Thông tin điện tử đã xây dựng chuyên mục "Khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số". Trong năm 2025 đã tuyên truyền được 689 tin, bài, ảnh; trên 100 văn bản. Một số tin, bài tiêu biểu: Tổng kết hoạt động Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số và Đề án 06 năm 2024; Tập huấn một số ứng dụng thuộc Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng; Phiên họp lần thứ hai Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; Hội thảo chuyển đổi số và phát triển thương mại điện tử vùng trung du và miền núi phía Bắc.

- Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành văn bản hướng dẫn cơ quan báo chí, truyền thông và hệ thống thông tin cơ sở tiếp tục tuyên truyền triển khai thực hiện đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; cảnh báo thủ đoạn lừa đảo trên không gian mạng;

- Triển khai nội dung giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch phối hợp sản xuất 06 chương trình truyền hình bằng tiếng Việt và Tiếng dân tộc (Tiếng Mông, Dao) về chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, trong phát triển kinh tế, trong tiêu thụ nông sản nhằm cung cấp thông tin thiết yếu cho Nhân dân nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, phát trên kênh truyền hình của Báo và phát thanh truyền hình Lai Châu.

- Phối hợp với đơn vị truyền thông sản xuất phóng sự: “ Chuyển đổi số giúp thủ tục hành chính đơn giản với người dân như thế nào”; Sản xuất 07 phóng sự tuyên truyền nâng cao cảnh giác, phòng ngừa cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới về tội phạm công nghệ cao, một số phương thức thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng và biện pháp phòng ngừa phát trên Báo và Phát thanh, Truyền hình Lai Châu (LTV); Cụm thông tin điện tử công cộng; trên các nền tảng số; Cổng thông tin đối ngoại tỉnh Lai Châu.

- Triển khai nội dung thông tin đối ngoại thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch phối hợp với các công ty truyền thông sản xuất 02 phóng sự có chủ đề: “ Lai Châu chuyển đổi số nâng cao hiệu quả của chính quyền địa phương hai cấp”, “Lai Châu ứng dụng chuyển đổi số trong quảng bá và phát triển sản phẩm nông sản Ocop vùng đồng bào dân tộc thiểu số” có thời lượng

02-05 phút/phóng sự; Phát sóng trên Kênh VTV3 hoặc Kênh truyền hình Đối ngoại (VTV4, hoặc Vietnam Today). Dự kiến trong tháng 12/2025 hoàn thành sản xuất và phát sóng.

- Hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia và Phở cập Bộ nhận diện

Các cơ quan, đơn vị đã nghiêm túc thực hiện công tác tuyên truyền hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia (10/10) với chủ đề năm 2025 là “Chuyển đổi số toàn dân, toàn diện, toàn trình để tăng tốc, bứt phá phát triển kinh tế số”.

Phổ biến nhận thức: các sở, ban, ngành tỉnh đã tổ chức quán triệt, phổ biến tới 100% công chức, viên chức, người lao động về mục đích, ý nghĩa, tinh thần cũng như chủ đề của Ngày Chuyển đổi số quốc gia.

Hưởng ứng trên môi trường mạng: Nhiều sở, ngành đã tích cực phổ cập, truyền thông bộ nhận diện Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2025.

100% công chức, viên chức và người lao động các sở, ngành đã hưởng ứng trên không gian mạng bằng cách thay ảnh đại diện có kèm khung hình nhận diện Ngày Chuyển đổi số quốc gia trên các nền tảng trực tuyến như Zalo, Facebook.

- Tuyên truyền qua các Kênh Truyền thông Chính thức: Công tác truyền thông trên các nền tảng chính thức đã được duy trì và tăng cường: cụ thể việc tuyên truyền trên Cổng/Trang thông tin điện tử:

Văn phòng UBND tỉnh đã chỉ đạo bộ phận Cổng thông tin điện tử tỉnh chủ động cập nhật trong chuyên mục Chuyển đổi số, tăng cường các bài viết về nhân rộng các mô hình, giải pháp.

Sở Nội vụ đã đăng tải 112 tin, bài, ảnh trên Trang thông tin Cải cách hành chính (CCHC).

Các sở, ngành, địa phương đã duy trì Trang thông tin điện tử hoạt động ổn định, thường xuyên cập nhật cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước.

- Phổ biến Kiến thức, Kỹ năng số và Ứng dụng:

Công tác tuyên truyền được gắn liền với việc phổ cập kỹ năng và hướng dẫn sử dụng các nền tảng số:

Phong trào “Bình dân học vụ số”: 100% công chức, viên chức, người lao động đã đăng ký tài khoản và hoàn thành các nội dung khóa học trên Cổng thông tin Bình dân học vụ số tỉnh Lai Châu.

Tuyên truyền Kỹ năng An toàn thông tin (ATTT): Các đơn vị đã triển khai tuyên truyền, phòng chống lừa đảo trực tuyến, bảo vệ thông tin cá nhân. thường xuyên tuyên truyền về ATTT mạng cho công chức, người lao động qua Hệ thống Ioffice, qua các cuộc họp và Nhóm Zalo.

Hướng dẫn Ứng dụng Công dân số: Hướng dẫn người dân thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng căn cước, ứng dụng VNeID thay thế thẻ BHYT khi khám, chữa bệnh BHYT. Đã hướng dẫn, khuyến khích sử dụng các App VneID, App VssID, App Sổ sức khỏe điện tử.

Hợp tác truyền thông: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch truyền thông, quảng bá, trong đó có nội dung hợp tác với cơ quan báo chí trung ương để đẩy mạnh tuyên truyền Nghị quyết 57-NQ/TW. Sở VH-TT-DL cũng ban hành 07 hướng dẫn và 02 công văn chỉ đạo các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, nền tảng số

9.3.2. Tồn tại, hạn chế:

- Hạn chế về Khả năng Tiếp cận và Độ phủ sóng

Hiệu quả truyền thông chưa cao ở vùng sâu, vùng xa: công tác truyền thông tuy đã đa dạng nhưng hiệu quả tiếp cận vẫn chưa cao, đặc biệt là đối với người dân ở vùng sâu, vùng xa, nơi điều kiện hạ tầng số còn hạn chế, sóng điện thoại yếu, và người dân chưa sử dụng điện thoại thông minh.

Nhận thức chưa đồng đều: Nhận thức của người dân, phụ huynh, học sinh về chuyển đổi số còn hạn chế, chưa hình thành thói quen học tập, giao dịch và tra cứu trên môi trường mạng.

- Hạn chế về Hình thức và Nguồn lực

Thiếu kinh phí và tài liệu: chưa có kinh phí để thực hiện truyền thông về chuyển đổi số và tài liệu để tuyên truyền còn ít.

Hạn chế về nền tảng số của Sở: Một số đơn vị trực thuộc Sở Y tế chưa có trang thông tin điện tử nên công tác truyền thông qua Internet hiệu quả còn hạn chế. Sở Y tế cũng chưa xây dựng fanpage facebook và Zalo để tăng cường truyền thông, và chưa xây dựng các video truyền thông về CDS trong lĩnh vực y tế.

10. Kinh phí thực hiện

Kết quả bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án phát triển Chính phủ điện tử, chính quyền số, chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước năm 2025 như sau:

(Danh mục nhiệm vụ, dự án đã thực hiện năm 2025 chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

Phần II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2026

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 411/QĐ-TTg, ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Chương trình phát triển Chính phủ số giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2035;
- Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2030, định hướng đến năm 2035;
- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;
- Công văn số 5511/BKH-CN-CĐSQG ngày 10/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn các bộ, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026;
- Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 25/02/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chương trình chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Kế hoạch số 365-KH/TU ngày 01/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;
- Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Phê duyệt Đề án “Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;
- Kế hoạch số 4201/KH-UBND ngày 08/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn

2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu”;

- Kế hoạch số 5926/KH-UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 3452/KH-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết 57-NQ/TW và các Thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trong 06 tháng cuối năm 2025;

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu của chuyển đổi số, người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng những thành quả do chuyển đổi số mang lại theo tinh thần “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

- Thực hiện hiệu quả các Nghị quyết, Kế hoạch, Kết luận của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về chuyển đổi số, các phiên họp toàn thể, chuyên đề của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

- Gắn kết chặt chẽ với hoạt động cải cách quy trình, TTHC, hiện đại hóa hoạt động hành chính của cơ quan nhà nước. Tập trung vào phát triển hạ tầng, dữ liệu, đào tạo phát triển nguồn nhân lực số; ứng dụng, dịch vụ mới theo hướng dùng chung hạ tầng số, nền tảng số.

- Triển khai thực hiện các mục tiêu của Chương trình phát triển Chính phủ số theo Quyết định số 2629/QĐ-TTg; xây dựng Chính quyền số tỉnh Lai Châu dựa trên dữ liệu, dữ liệu mở và các nền tảng số quốc gia; đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu trong chỉ đạo điều hành, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Phát triển Chính quyền số tỉnh Lai Châu theo hướng lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, vận hành dựa trên dữ liệu, bảo đảm liên thông - đồng bộ - an toàn, phù hợp mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của các cơ quan nhà nước; cải thiện mạnh mẽ chất lượng cung cấp dịch vụ công và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

a) Phát triển hạ tầng số

- Triển khai phủ sóng 4G cho 100% bản, tổ dân phố, đảm bảo xây dựng trạm BTS 5G và ứng dụng Internet vạn vật (IoT) cơ bản tại 100% trung tâm tỉnh và trung tâm các xã, phường, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế của

khẩu Ma Lù Thàng, bệnh viện, bến xe, trung tâm thương mại, chợ...

- Nâng cấp hạ tầng mạng, trang thiết bị công nghệ thông tin tại các cơ quan nhà nước, ưu tiên cấp xã; tăng cường thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

- Khai thác hiệu quả Trung tâm dữ liệu, Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của tỉnh; bảo đảm kết nối ổn định Mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng, Nhà nước.

b) Phát triển nguồn lực

- Ưu tiên bố trí tối thiểu 01% chi cân đối ngân sách địa phương để tập trung nguồn lực đầu tư, phát triển hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho chuyển đổi số trên địa bàn toàn tỉnh.

- 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản

- 85% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản

- 85% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành

- 80% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

c) Phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số

- 100% hồ sơ công việc tại cơ quan nhà nước các cấp (trừ hồ sơ mật) được xử lý trên môi trường điện tử, ký số cá nhân.

- 100% TTHC đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, thực hiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Tối thiểu 80% hồ sơ TTHC được số hóa đầy đủ; trên 70% thông tin, dữ liệu đã số hóa được khai thác, sử dụng lại.

- Trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp xã kết nối, khai thác hiệu quả nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh.

- 100% hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản; ít nhất 30% cán bộ chuyên trách CNTT/CĐS được bồi dưỡng chuyên sâu về quản trị dữ liệu, an toàn thông tin.

- Có $\geq 70\%$ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.

- 100% TTHC liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.
- Có $\geq 70\%$ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.
- Có $\geq 95\%$ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC có đủ điều kiện.
- 100% hồ sơ trực tuyến toàn trình phải xử lý trực tuyến, ký số chuyên dùng kết quả và trả kết quả trực tuyến hoặc qua bưu chính công ích
- Có $\geq 70\%$ hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.
- Có $\geq 80\%$ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông tới Trung ương
- Có $\geq 85\%$ cơ sở dữ liệu dùng chung của các sở, ban, ngành được tích hợp, kết nối, chia sẻ với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh
- 100% chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất trong toàn tỉnh
- 100% lãnh đạo, cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp xã phải xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng và sử dụng chữ ký số để giải quyết công việc
- 100% báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống dùng chung
- Có $\geq 30\%$ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương ứng dụng công nghệ số
- 65% người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)
- 5% người dân có chữ ký số
- Quy mô kinh tế số đạt 9% GRDP.

III. NHIỆM VỤ

Để khắc phục các tồn tại về nhân lực thiếu, hạ tầng cũ kỹ, và dữ liệu phân mảnh đã được chỉ ra trong năm 2025, Kế hoạch năm 2026 tập trung vào các nhóm nhiệm vụ sau:

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Tập trung các hoạt động của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (Ban Chỉ đạo), các thành viên Ban Chỉ đạo, cơ quan thường trực để tăng cường công tác lãnh đạo, điều hành thực hiện; công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số của bộ, ngành, địa phương; xây dựng chương trình, kế hoạch

công tác phải xác định cụ thể nội dung, thời hạn, yêu cầu kết quả; thời gian, số lượng các phiên họp, hội nghị để chỉ đạo, đánh giá kết quả triển khai, giải quyết các vướng mắc cụ thể; xác định cụ thể chủ đề, vấn đề cần tập trung chỉ đạo, tháo gỡ; nội dung, thời gian, đối tượng kiểm tra, giám sát cụ thể, hiệu quả, thực chất.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, phường có trách nhiệm chỉ đạo bổ sung, hoàn thiện và triển khai hiệu quả Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026 của cơ quan, đơn vị, địa phương mình gắn với các mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ Chuyển đổi số của tỉnh.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát đối với việc triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số của đơn vị, bộ phận trực thuộc; việc thực hiện quy định pháp luật trong thực hiện các chương trình, đề án, dự án chuyển đổi số.

- Để khắc phục tình trạng thiếu chủ động, chưa đồng bộ trong phối hợp đã xác định trong năm 2025, nhiệm vụ hàng đầu là tiếp tục phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số các cấp, nâng cao hiệu quả phối hợp, điều hành. Gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số với công tác đánh giá, thi đua, khen thưởng hằng năm của từng đơn vị và cá nhân, đặc biệt là người đứng đầu. Đồng thời, xây dựng và ban hành các chính sách cụ thể để tạo động lực cho chuyển đổi số, như chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, chính sách thu hút, đãi ngộ nhân lực CNTT chất lượng cao.

2. Thể chế, chính sách số

- Xây dựng các văn bản tổ chức thực hiện và hướng dẫn thi hành cụ thể hóa các văn bản của Đảng, Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương về chuyển đổi số.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng; cơ chế, chính sách giảm phí, lệ phí cho người dân sử dụng TTHC trực tuyến.

- Ban hành Khung kiến trúc Chính quyền số tỉnh Lai Châu phiên bản mới phù hợp Kiến trúc Chính phủ số quốc gia.

- Ban hành quy định quản trị dữ liệu, danh mục dữ liệu của tỉnh theo Khung quản trị dữ liệu quốc gia.

3. Hạ tầng số

- Ưu tiên đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng số đi trước một bước để thúc đẩy chuyển đổi số của tỉnh, phục vụ chính quyền số, kinh tế số, xã hội số theo Kế hoạch số 1217/KH-UBND ngày 06/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó tập trung:

- Đôn đốc, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông đẩy mạnh phát triển hạ tầng băng rộng di động, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ băng rộng di động.
- Tập trung xây dựng, phát triển kho dữ liệu của tỉnh, cơ sở dữ liệu các ngành, lĩnh vực; kết nối, liên thông dữ liệu tiến tới từng bước quản lý điều hành dựa trên dữ liệu, cung cấp dữ liệu mở cho người dân, doanh nghiệp.
- Đầu tư nâng cấp trang thiết bị CNTT như: máy tính cá nhân, máy scan, photo, mạng LAN,... cho các cơ quan, đơn vị để đáp ứng yêu cầu công việc trên môi trường mạng. Đặc biệt là nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CNTT tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp, đáp ứng triển khai DVCTT toàn trình, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.
- Ứng dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững.
- Triển khai tích hợp các cảm biến IoT vào các cơ sở hạ tầng truyền thống như: giao thông vận tải, năng lượng, y tế, giáo dục, trong quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng.
- Hoàn thiện kết nối các hệ thống CNTT tỉnh với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP/NDOP).
- Từng bước chuyển dịch hạ tầng CNTT của tỉnh theo lộ trình kết nối Trung tâm Dữ liệu quốc gia.
- Kết nối, chia sẻ dữ liệu với các nền tảng Chính phủ số quốc gia theo danh mục Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) ban hành.

4. Nhân lực số

- Trước thực trạng thiếu hụt nghiêm trọng nhân lực chuyên trách CNTT trên diện rộng đã được chỉ ra tại hầu hết các cơ quan, năm 2026 sẽ tập trung vào các giải pháp nâng cao năng lực tại chỗ và xây dựng chính sách thu hút. Cụ thể, tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng liên tục về kỹ năng số cho 100% cán bộ, công chức, viên chức thông qua các nền tảng trực tuyến như "Bình dân học vụ số" và các lớp tập huấn chuyên sâu về phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI). Đồng thời, tăng cường công tác đảm bảo an toàn thông tin bằng việc tổ chức các cuộc diễn tập thực chiến về an toàn thông tin mạng định kỳ để nâng cao năng lực phòng thủ và ứng cứu sự cố.
- Triển khai các giải pháp phát triển nguồn nhân lực số tỉnh Lai Châu.
- Triển khai tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên trách và trực tiếp triển khai chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước, phổ cập kỹ năng số cho người dân và doanh nghiệp.

5. Phát triển dữ liệu số

Nhằm khắc phục tình trạng dữ liệu còn phân mảnh, thiếu liên thông, năm 2026 sẽ tập trung hoàn thiện và đưa vào vận hành các cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng điểm. Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP). Tiếp tục số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC để làm giàu kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, trong đó:

- Hoàn thiện CSDL chuyên ngành: Tập trung xây dựng, phát triển và hoàn thiện các cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành trọng điểm (tổ chức bộ máy, biên chế, nông nghiệp, môi trường, du lịch, tài chính...).

- Kết nối Dữ liệu: Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP). Đảm bảo 100% dữ liệu của đơn vị được tích hợp với trục liên thông dữ liệu cấp tỉnh.

- Số hóa và Chuẩn hóa: Thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ điện tử và chuẩn hóa dữ liệu số theo quy định.

- Xây dựng Danh mục dữ liệu mở tỉnh Lai Châu; công bố dữ liệu mở theo lộ trình quốc gia.

- Chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu; tích hợp kho dữ liệu của tỉnh với Kho dữ liệu dùng chung quốc gia.

6. An toàn thông tin mạng

- Đảm bảo 100% hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ an toàn và triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo cấp độ (theo Thông tư 12/2022/TT-BTTTT). Duy trì và nâng cao hiệu quả công tác đảm bảo an toàn thông tin theo mô hình "4 lớp".

- Triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin mạng cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu do các sở, ngành quản lý, hệ thống thông tin giải quyết TTHC phục vụ người dân và doanh nghiệp.

7. Chính quyền số

- Rà soát, cập nhật Kế hoạch Chuyển đổi số và Kiến trúc Chính quyền số tỉnh phù hợp mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, thống nhất với Chương trình phát triển Chính phủ số quốc gia.

- Chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nội bộ, quy trình TTHC theo hướng đơn giản hóa, số hóa, dữ liệu hóa.

- Dịch vụ công trực tuyến: Đẩy mạnh cung cấp DVC trực tuyến, phấn đấu đạt tỷ lệ trên 90% TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình.

- Tái cấu trúc TTHC: Tiếp tục rà soát, tái cấu trúc quy trình TTHC trên cơ sở số hóa và tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa, đảm bảo cung cấp DVC

thuận lợi hơn thực hiện trực tiếp.

- Định danh điện tử (VNeID): Triển khai các giải pháp để định danh và xác thực người dùng dịch vụ công trực tuyến thông qua định danh điện tử VNeID.

- Ứng dụng AI/Trợ lý ảo: Tăng cường ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI), trợ lý ảo trong quản lý, điều hành, hỗ trợ công chức trong công tác chuyên môn, tra cứu thông tin và tổng hợp báo cáo.

- Phát triển Trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC) của tỉnh.

- Triển khai Trợ lý ảo dùng chung phục vụ người dân, doanh nghiệp và cán bộ.

- Triển khai Hệ thống phân tích dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định (Analytics) của tỉnh trên nền tảng dữ liệu quốc gia.

- Hoàn thiện vận hành Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh, kết nối Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình đủ điều kiện được thực hiện trên Cổng DVC quốc gia (theo mô hình một cửa số).

- 100% hồ sơ, kết quả TTHC phát sinh được số hóa; thực hiện ký số toàn trình trên Hệ thống giải quyết TTHC tỉnh.

- Đồng bộ dữ liệu TTHC, kết quả giải quyết với Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

8. Kinh tế số và xã hội số

Thúc đẩy phát triển kinh tế số, bao gồm: (i) Kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực; (ii) Kinh tế số công nghiệp CNTT và dịch vụ viễn thông; (iii) Kinh tế của các nền tảng số, các hệ thống trực tuyến kết nối giữa cung và cầu và các dịch vụ trực tuyến trên mạng. Trong đó, tập trung vào các hoạt động:

- Thương mại điện tử: Chủ trì, phối hợp tham mưu UBND tỉnh ban hành và triển khai Kế hoạch phát triển thương mại điện tử năm 2026.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đưa 100% sản phẩm OCOP và sản phẩm chủ lực lên sàn thương mại điện tử. Xây dựng mô hình chợ số tại cấp xã.

- Du lịch số: Nâng cấp Cổng Du lịch Thông minh (dulich.laichau.gov.vn), ứng dụng công nghệ 3D/360 để quảng bá điểm du lịch. Thuê Hệ thống giám sát danh tiếng và Thông tin trực tuyến.

- Y tế số: Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu y tế dùng chung. Duy trì tỷ lệ người dân có sổ sức khỏe điện tử đạt 90%.

- Thanh toán số: Đẩy mạnh các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt trong giao dịch hành chính và dân sự, đặc biệt tại các cơ sở giáo dục.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Các cấp, các ngành, các doanh nghiệp thường xuyên tuyên truyền cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân về chủ trương của Đảng, nhà nước, của cấp ủy, chính quyền địa phương, đơn vị về chuyển đổi số.

- Xây dựng, phát hành các sản phẩm tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số ngành, lĩnh vực, địa phương; xây dựng phóng sự phát thanh, truyền hình tuyên truyền về thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; thông qua các hội nghị, hội thảo, hội thi, hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026; thông qua việc chia sẻ các sáng kiến, cách làm hay, mô hình điển hình hiệu quả về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân; thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn của Tổ công nghệ số cộng đồng. Triển khai hiệu quả phong trào thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2025-2030.

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

- Phát huy vai trò của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, gắn kết quả chuyển đổi số với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thi đua, khen thưởng hằng năm.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ kết quả triển khai hàng tháng, quý.

- Rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; ban hành chương trình, kế hoạch hoạt động, kiểm tra, đánh giá chỉ đạo của Ban Chỉ đạo.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho CBCC, người dân, doanh nghiệp

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ chính quyền số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học. Đẩy mạnh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia”, “Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu” trên Cổng, Trang thông tin điện tử, trang mạng xã hội, qua đó thường xuyên chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường tuyên truyền, hướng dẫn đến từng cán bộ, công chức, viên chức, các cơ quan, đơn vị trực thuộc tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác và đời sống.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các sự kiện về phát triển kinh tế số, xã hội số và kết quả thực hiện các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế - xã hội.

- Triển khai các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân; phát động và triển khai có hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân...

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia (10/10) và Ngày Hội đổi mới sáng tạo quốc gia (01/10).

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả triển khai Chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình. Quan tâm bố trí cán bộ phụ trách chuyển đổi số của cơ quan, địa phương, thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kiến thức, kỹ năng cho cán bộ làm công tác chuyển đổi số. Triển khai các biện pháp thu hút nhân lực; bồi dưỡng, phát triển nhân lực tại chỗ bằng các chính sách đãi ngộ trong tuyển dụng, chuyển ngạch, nâng ngạch, ...

- Kiện toàn, hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, thành lập tổ ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ tại 100% xã, phường. Huy động các tổ chức đoàn thể, đoàn thanh niên, các lực lượng vũ trang, giáo viên, doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tham gia hỗ trợ nhân dân trong việc tiếp cận nâng cao chuyển đổi số.

- Hợp tác với các cơ quan, tổ chức liên quan, doanh nghiệp công nghệ để thu hút chuyên gia, nguồn lực, tìm hiểu giải pháp, công nghệ phục vụ chuyển đổi số.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ (VNPT, Viettel) để rà soát, đánh giá, ứng dụng hiệu quả các công nghệ mới như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, AI, chuỗi khối.

Tổ chức các cuộc diễn tập thực chiến về an toàn thông tin mạng định kỳ để nâng cao năng lực phòng thủ và ứng cứu sự cố.

Khuyến khích cán bộ, công chức đề xuất sáng kiến ứng dụng công nghệ số, cải tiến quy trình nghiệp vụ.

5. Đảm bảo nguồn lực tài chính

- Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đa dạng hóa nguồn lực để phát triển chính quyền số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp để phát triển cơ sở hạ tầng số. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển

hạ tầng, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu, nền tảng, các ứng dụng, dịch vụ của tỉnh.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng CNTT để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

- Huy động các nguồn tài chính, lồng ghép các chương trình, dự án, đẩy mạnh xã hội hóa để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số (Vốn chương trình mục tiêu quốc gia; Nguồn vốn đầu tư công; Nguồn vốn sự nghiệp; Vốn của các doanh nghiệp).

- Huy động nguồn lực của các Tập đoàn viễn thông trên địa bàn để đẩy mạnh phát triển hạ tầng số. Huy động nguồn lực của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển chuyển đổi số để thực hiện Kế hoạch của doanh nghiệp.

6. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế

6.1 Hợp tác chiến lược và quốc tế

- Hợp tác Quốc tế: Tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng.

- Học tập kinh nghiệm: Tổ chức các hoạt động thăm quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm.

- Tham gia Tổ chức: Tham gia các tổ chức quốc tế và các sáng kiến quốc tế về chuyển đổi số.

- Quảng bá sản phẩm: Tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp số Việt Nam.

6.2. Hợp tác với Doanh nghiệp Công nghệ và Viễn thông

- Củng cố Hạ tầng: phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn, đặc biệt là VNPT, Viettel để rà soát, đánh giá và từng bước xóa bỏ các vùng lùm sóng di động băng rộng, nhất là tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới.

- Thu hút chuyên gia và Ứng dụng công nghệ: tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ để thu hút chuyên gia, tìm hiểu giải pháp, công nghệ mới. phối hợp, hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ, đơn vị tư vấn để ứng dụng, thử nghiệm các công nghệ mới.

- Du lịch số: đã chỉ đạo triển khai công/ứng dụng du lịch thông minh hợp tác với Viettel. Đồng thời, thường xuyên tổ chức các buổi làm việc, hội thảo về chuyển đổi số du lịch, mời các chuyên gia, doanh nghiệp chia sẻ kinh nghiệm và

tìm kiếm giải pháp.

6.3. Hợp tác liên ngành và chia sẻ dữ liệu

- Trao đổi kinh nghiệm: Tăng cường trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với các cơ quan, đơn vị, địa phương khác trong triển khai chuyển đổi số. khuyến khích tăng cường trao đổi, học tập kinh nghiệm từ các bộ, ngành, địa phương có mô hình chuyển đổi số hiệu quả.

6.4. Hợp tác trong lĩnh vực chuyên môn và đào tạo

- Thương mại điện tử: tỉnh tổ chức sự kiện “Thúc đẩy liên kết vùng trong phát triển thương mại điện tử” phối hợp với Bộ Công Thương nhằm hỗ trợ doanh nghiệp; tổ chức chuỗi sự kiện thương mại điện tử (sau khi được Bộ Công Thương phê duyệt) để hỗ trợ doanh nghiệp.

- Giáo dục: đã phối hợp với tổ chức CARE triển khai chuyên đề Trí tuệ nhân tạo (AI) dành riêng cho giáo viên mầm non. phối hợp với Viễn thông Lai Châu tổ chức Hội thảo về chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

- Truyền thông: tăng cường hợp tác, trao đổi sản phẩm truyền thông và học tập kinh nghiệm từ các cơ quan báo chí trong nước có nền tảng báo chí số phát triển mạnh.

- Phát triển Biên giới/Cửa khẩu: tăng cường trao đổi, phối hợp, chia sẻ thông tin liên quan đến các chính sách phát triển cơ sở hạ tầng, hệ thống hạ tầng giao thông và thương mại tại các cặp cửa khẩu biên giới.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là Cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 thống nhất chỉ đạo triển khai các chương trình, dự án về chuyển đổi số trong các cơ quan hành chính nhà nước để tránh chồng chéo, lãng phí.

- Chủ trì, tham mưu Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 xây dựng Kế hoạch thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số tại một số cơ quan, đơn vị. Theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm của các sở, ban, ngành, xã, phường, báo cáo UBND tỉnh để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các ứng dụng, phần mềm, nền tảng dùng chung đến các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh, đánh giá hiệu quả sử dụng để nhân rộng.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí, lồng ghép các nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 của tỉnh.

3. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường tham mưu, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm cho các đơn vị sau khi có đề xuất của các cơ quan, đơn vị liên quan và theo chỉ đạo, hướng dẫn của các bộ, ngành có thẩm quyền; đăng ký chỉ tiêu, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức quản lý, chuyên trách về CNTT, chuyển đổi số trình UBND tỉnh phê duyệt (nếu có).

4. Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND xã, phường

- Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ngành, đơn vị, địa phương, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch chuyển đổi số đơn vị, địa phương mình đảm bảo phù hợp với Kế hoạch Chuyển đổi số của tỉnh, **hoàn thành trước ngày 15/01/2026**. Chỉ đạo triển khai, hoàn thành các mục tiêu Kế hoạch thuộc cơ quan, đơn vị, lĩnh vực quản lý

- Phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; thực hiện tự kiểm tra, theo dõi tình hình triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số tại các phòng ban, đơn vị trực thuộc.

- Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp vị trí việc làm, phân công cán bộ lãnh đạo, chuyên viên có năng lực tham mưu, kiến thức chuyên môn làm đầu mối phụ trách lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng đáp ứng yêu cầu về chất lượng tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số cho ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT; chủ động triển khai các giải pháp tạo lập, số hóa, chuyển đổi, tích hợp các cơ sở dữ liệu của cơ quan, đơn vị vào hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; chỉ đạo triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong cơ quan, đơn vị; tích hợp, chia sẻ thông tin giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo ngành dọc từ Trung ương tới các cấp trong tỉnh Lai Châu.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với nhiệm vụ ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số một cách thiết thực, hiệu quả. Lấy kết quả lãnh đạo, chỉ đạo ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số là một tiêu chí đánh giá trách nhiệm và bình xét thi đua, khen thưởng đối với người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị.

- Khi đầu tư dự án, nhiệm vụ về chuyển đổi số phải đảm bảo hiệu quả, đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ, tránh chồng chéo. Đối với các ứng dụng chuyên

ngành, triệt để sử dụng các nền tảng, phần mềm do Bộ, ngành Trung ương đầu tư triển khai theo ngành dọc, đảm bảo đồng bộ, tích hợp, liên thông từ cấp Tỉnh đến Trung ương.

5. Báo và Phát thanh, Truyền hình Lai Châu; Văn phòng UBND tỉnh

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về chuyển đổi số; tăng cường thời lượng tuyên truyền, phổ biến các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

6. Chế độ thông tin, báo cáo

Định kỳ hàng quý (trước ngày 05 tháng cuối quý) hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo tình hình triển khai thực hiện gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, chỉ đạo giải quyết.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

1. Danh mục nhiệm vụ, dự án thực hiện năm 2026 (Chi tiết các nhiệm vụ, dự án tại Phụ lục II kèm theo).

2. Danh mục nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2026 (Chi tiết các nhiệm vụ tại Phụ lục III kèm theo).

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu, yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT.Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Các doanh nghiệp BC, VT, CNTT;
- V, HC-QT, HCC, C, CB;
- Lưu: VT, Vx5;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tổng Thanh Hải